

Bản án số: **44/2017/HNGĐ-ST**

Ngày 19/12/2017

"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Lương Hồng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Chữ - Cán bộ nghỉ hưu

Ông Lê Văn Đình - Bí thư đoàn thanh niên huyện Ân Thi

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

- Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 12 năm 2017 Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2017/TLST - HNGĐ ngày 09/10/2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 23/11/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị H, SN 1994 (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn N, SN 1989 (vắng mặt)

Người có QLVN liên quan: 1. Cháu Phạm Thị Thanh H, SN 31/8/2012

2. Cháu Phạm Thị Quỳnh T, SN 10/6/2015

Người đại diện hợp pháp của cháu Hà, cháu Thư: Chị H – mẹ đẻ của các cháu

Đều trú tại: M X, N T, A T, H Y

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 01/02/2017 và lời khai của chị H trình bày chị và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N T vào năm 2012. Sau khi cưới chị về ngay gia đình anh N làm ăn, chung sống. Anh N và chị có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, khi chị mang bầu đứa con thứ hai thì anh N luôn chửi bới, đánh đập chị, hơn nữa anh N còn rượu chè, cờ bạc, không chịu làm ăn. Đầu năm 2017 thì chị không thể chịu đựng thêm được nữa nên thuê nhà ra ở riêng và sống ly thân nhau từ thời gian đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên chị làm đơn xin ly hôn anh N.

Về con chung: Có 02 con chung. Hiện nay con chung đang ở với anh N và ông bà nội

Về tài sản chung: không đề nghị Tòa giải quyết

Tại biên bản lấy lời khai của ông Phạm Văn L (bố đẻ của anh N) trình bày: Ông xây dựng vợ chồng cho chị H, anh N vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N Tr. Sau khi thành vợ chồng chị H về ngay gia đình ông chung sống. Đến tháng 3/2017 thì chị H không về nhà ông ở nữa. Quá trình anh N, chị H chung sống ông không thấy đánh cãi, chửi nhau, ông thấy chị H chê chồng vì chồng bên ngoài ngoại hình không đẹp, anh N không quan tâm đến tâm tư của chị H. Nay chị H xin ly hôn anh N, việc vợ chồng anh N, chị H có tiếp tục chung sống với nhau hay không là quyền của anh N, chị H.

Về con chung: Anh N, chị H có 02 con chung là Phạm Thị Thanh H, SN 2012 và Phạm Thị Quỳnh T, SN 2015. Hiện nay các cháu đang ở với ông và anh N. Ông cho biết anh N đi theo công trình lên làm ở Hà Nội, lương của anh N khoảng 5.000.000 đ, nguyện vọng của anh N nếu chị H không nuôi con thì anh nuôi, việc cấp dưỡng thì tùy thuộc vào chị H.

Về tài sản chung: Anh N, chị H không có

Đối với anh N: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên anh N đều vắng mặt không có lý do nên không xác định được yêu cầu, đề nghị của anh N trong hồ sơ vụ án.

Tại biên bản xác minh với UBND xã N T: Chị H, anh N là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyễn Trãi vào ngày 15/01/2012 tại số 05. Quá trình chung sống chị H, anh N chung sống có mâu thuẫn hay không chính quyền địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa ngày 05/12/2017: Chị H có mặt, anh N vắng mặt lần thứ nhất. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của BLTTDS, HĐXX quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 19/12/2017: Chị H có mặt, anh N vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa chị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh N, về con chung chị H nhận nuôi cháu Thư, còn để anh N nuôi cháu Hà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã tuân theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do vì vậy HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX xử cho chị H được ly hôn anh N, Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Thanh Hà, SN 31/8/2012 cho anh N nuôi dưỡng đến khi thành niên, giao cháu Phạm Thị Quỳnh Thư, SN 10/6/2015 cho chị H nuôi dưỡng đến khi thành niên. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung: không đề nghị giải quyết; về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu, còn anh N vắng mặt lần thứ 2 không có lý do căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyễn Trãi vào ngày 15/01/2012. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh N là hợp pháp. Nay chị H có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh N đang ở tại thôn M X, N T nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị H xác định sau khi cưới về chung sống với nhau, anh, chị có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2015 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh N đánh đập, chửi bới chị, cờ bạc, rượu chè, chơi bời. Chị H đã tìm nhiều biện pháp khắc phục nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được giải quyết. Do mâu thuẫn vợ chồng chị ly thân nhau từ đầu năm 2017 cho đến nay. Mặc dù bố của anh N có trình bày ông không thấy vợ chồng anh N, chị H đánh cãi chửi nhau gì, nhưng trong suốt quá trình Tòa giải quyết anh N đều vắng mặt mặc dù anh biết Tòa án đang thụ lý giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị H. Điều đó chứng tỏ anh N không còn muốn xây dựng vợ chồng với chị H nữa, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân giữa chị H, anh N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh N, chị H không còn yêu, quý trọng nhau nữa vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh N, chị H có 02 con chung là Phạm Thị Thanh H, SN 2012 và Phạm Thị Quỳnh T, SN 2015. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh N và ông bà nội. Nay ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi cháu T, còn để anh N nuôi cháu H và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị. Do anh N vắng mặt nên không xem xét được yêu cầu của anh N trong hồ sơ vụ án tuy nhiên ông Lương (bố đẻ của anh N) cho biết nếu chị H không nuôi con thì anh nhận nuôi cả và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cho anh, còn chị H có cấp dưỡng hay không thì tùy ở chị H. Còn các cháu chưa đủ 7 tuổi nên cũng không xem xét nguyện vọng của các cháu. Xét nguyện vọng của chị H là phù hợp với thực tế là cháu Thư chưa được 36 tháng tuổi, còn cháu Hà đã đủ 5 tuổi và đang ở với anh N, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ chấp nhận nguyện vọng của chị H là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T đến khi thành niên. Giao anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H đến khi thành niên. Về cấp dưỡng chị H không có yêu cầu anh N cấp dưỡng là tự nguyện vì chị đi làm công nhân tại Trạm soát vé đường 5B thu nhập hàng tháng của chị khoảng 6.000.000 đ, còn anh N tuy không có quan điểm trong hồ sơ vụ án nhưng

ông Lương (bố đẻ của anh N) hiện nay anh làm theo công trình trên Hà Nội, thu nhập hàng tháng của anh khoảng trên 5.000.000 đ, việc cấp dưỡng tùy chị H, anh không có yêu cầu gì nên HĐXX xét thấy anh N, chị H đều có thu nhập để đảm bảo điều kiện nuôi con nên anh N, chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị H không đề nghị Tòa giải quyết nên HĐXX không xem xét tại vụ án này. Tuy nhiên sau này anh N có đề nghị Tòa sẽ xem xét ở 1 vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hồ Thị H được ly hôn anh Phạm Văn N

2- Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Thanh H cho anh Phạm Văn N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H thành niên. Giao cháu Phạm Thị Quỳnh T, SN 2015 cho chị Hồ Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T thành niên. Anh N, chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau, anh N, chị H có quyền đi lại thăm nom con chung, quyền thay đổi nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị H không đề nghị Tòa giải quyết. Tuy nhiên sau này anh N có đề nghị về tài sản thì Tòa án sẽ xem xét ở một vụ án dân sự khác.

4 - Về án phí : Chị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 008792 ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị H đã nộp đủ.

5- **Quyền kháng cáo:** Chị H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tuyên án. Anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ân Thi;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện;

- Lưu HSVA

Hoàng Lương Hồng